

SO SÁNH NHU CẦU VÀ THỰC TRẠNG THAM GIA TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

Lê Cát Nguyên*, Nguyễn Thế Tinh*, Phạm Đức Thạnh**

ABSTRACT

The topic surveyed 882 students of 08 universities and the School of Tourism - Hue University to grasp the needs, then compare with the actual situation of participating in extra-curricular sports training of Hue University students to identify some reasons for the low quality of extracurricular sports activities of Hue University students.

Keywords: Needs; Reality; Sports, Extracurricular, Hue university Student.

Ngày nhận bài: 16/5/2021; Ngày phản biện: 20/5/2021; Ngày duyệt đăng 25/5/2021

1. Đặt vấn đề

Hoạt động thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa có ý nghĩa quan trọng đối với việc rèn luyện sức khỏe và tinh thần cho SV, đồng thời tạo sân chơi bổ ích để SV giao lưu, học tập lẫn nhau và góp phần giúp SV tránh xa các tệ nạn xã hội. Để hoạt động thể dục thể dục ngoại khóa (TDTTNK) được tổ chức hiệu quả, ngoài việc phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích của việc tập luyện TDTT, chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất, tăng cường sự chỉ đạo của lãnh đạo các đơn vị... thì một vấn đề cần quan tâm là các đơn vị thuộc Đại học Huế phải xây dựng được nội dung, hình thức, địa điểm tập luyện TDTTNK phù hợp, hấp dẫn đáp ứng nhu của SV, như vậy mới thu hút được đông đảo SV tham gia.

Muốn thực hiện được điều này thì việc cần thiết phải thực hiện là tìm hiểu nhu cầu và đối chiếu với thực trạng tham gia hoạt động TDTTNK của SV, để từ đó xác định những khó khăn - thuận lợi của SV khi tham gia tập luyện TDTTNK, góp phần tìm ra các giải pháp phù hợp và hiệu quả để phát triển phong trào tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế.

2. Nội dung nghiên cứu

Để nắm bắt nhu cầu tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 882 SV. Trong số 882 SV, có 753 SV cho biết có tham gia tập luyện TDTTNK ở những mức độ khác nhau.

2.1. Nhu cầu tập luyện các môn thể thao (TT) của SV Đại học Huế

Để xác định những môn TT mà SV Đại học Huế

muốn tham gia tập luyện nhiều nhất, đề tài tiến hành phỏng vấn về nhu cầu tập luyện các môn TT của SV. Kết quả được trình bày ở bảng 2.1.

Bảng 2.1: Nhu cầu tập luyện các môn TT của SV Đại học Huế (n=882)

TT	Môn TT	Số lượng	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	Bóng đá	212	24.03	2
2	Bóng bàn	23	2.6	11
3	Bóng rổ	98	11.11	5
4	Điền kinh	24	2.72	10
5	Võ thuật	61	6.91	8
6	Cờ	29	3.28	9
7	Bóng chuyền	153	17.34	3
8	Gym/Fitness	107	12.13	4
9	Cầu lông	224	25.39	1
10	Bơi lội	85	9.64	7
11	Đá cầu	90	10.2	6
12	Aerobic	11	1.25	12

Kết quả ở bảng 2.1 cho thấy, có 05 môn TT SV Đại học Huế có nhu cầu được tham gia tập luyện nhiều nhất lần lượt là Cầu lông, Bóng đá, Bóng chuyền, Gym/Fitness và Bóng rổ.

Bên cạnh việc khảo sát nhu cầu tập luyện các môn TT của SV, chúng tôi cũng tiến hành điều tra thực trạng các môn TT mà SV Đại học Huế đang tham gia tập luyện. Kết quả được trình bày ở bảng 2.2.

* TS. Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

** ThS. Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

Bảng 2.2: Các môn TT SV Đại học Huế đang tham gia tập luyện ngoại khóa (n=753)

TT	Môn TT	Số lượng	Tỷ lệ %	Xếp hạng
1	Bóng đá	143	18.99	1
2	Bóng bàn	28	3.73	8
3	Bóng rổ	23	3.05	9
4	Điền kinh	23	3.05	9
5	Võ thuật	87	11.55	5
6	Cờ	43	5.71	7
7	Bóng chuyền	95	12.61	4
8	Gym/Fitness	15	1.99	10
9	Cầu lông	128	16.99	2
10	Boi lội	51	6.77	6
11	Đá cầu	117	15.53	3

So sánh kết quả ở bảng 2.1 (nhu cầu) và bảng 2.2 (thực tế) cho thấy có 02 môn là Gym/Fitness và Bóng rổ là những môn TT SV Đại học Huế muốn tham gia tập nhiều nhưng do khó khăn về kinh phí và sân bãi mà số lượng SV tham gia tập luyện còn hạn chế.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy có một số SV có nhu cầu tham gia tập luyện môn Aerobic nhưng kết quả điều tra thực trạng lại cho thấy chưa có SV tham gia tập. Trong thực tế, SV chọn những môn không đòi hỏi nhiều về sân bãi, dụng cụ và kinh phí thấp như đá cầu, võ thuật để tham gia tập luyện. Điều này cũng phần nào ảnh hưởng đến hứng thú của SV, dẫn đến hiệu quả tập luyện thấp.

2.2. Nhu cầu về hình thức tổ chức tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế

Cùng với việc khảo sát nhu cầu tập luyện các môn TT của SV Đại học Huế, Chúng tôi cũng tiến hành phỏng vấn SV về các hình thức tập luyện TDTTNK mà SV muốn tham gia. Kết quả được trình bày ở bảng 2.3.

Bảng 2.3: Nhu cầu của SV Đại học Huế về hình thức tập luyện TDTTNK (n=882)

TT	Hình thức	Số SV lựa chọn	%	Xếp hạng
1	Tập có người hướng dẫn	411	46.6	1
2	Tự tập luyện	153	17.35	3
3	Kết hợp cả hai	318	36.05	2

Kết quả bảng 2.3 cho thấy, nhu cầu của SV đối với hình thức “tập luyện có người hướng dẫn” xếp cao nhất với 46.6%, xếp thứ 2 là hình thức “kết hợp giữa hình thức tập luyện có người hướng dẫn và tự tập luyện” với 36.05%, còn hình thức “tự tập luyện” chỉ có 17.35% SV lựa chọn.

Để đối chiếu giữa nhu cầu và thực trạng về hình thức tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế có đồng nhất hay không, chúng tôi tiếp tục điều tra thực trạng hình thức tham gia tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế. Kết quả ở bảng 2.4.

Bảng 2.4: Thực trạng hình thức tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế (n=753)

TT	Phương án	Số SV tham gia	%	Xếp hạng
1	Tập có người hướng dẫn	96	10.88	3
2	Tự tập luyện	450	51.02	1
3	Kết hợp cả hai	207	23.47	2

So sánh giữa nhu cầu và tình hình thực tế về hình thức tham gia tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế cho thấy, giữa nhu cầu và thực tế có sự khác biệt lớn. Hình thức tập luyện TDTTNK SV có nhu cầu tham gia lớn nhất là “tập luyện có người hướng dẫn”, tuy nhiên kết quả điều tra thực trạng cho thấy trong thực tế SV tham gia tập luyện TDTTNK chủ yếu dưới hình thức “tự tập luyện”, còn hình thức “tập luyện có người hướng dẫn” có 10.88% SV tham gia, xếp vị trí cuối cùng trong 03 hình thức tập luyện. Đây là một trong những nguyên nhân chính khiến chất lượng tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế còn thấp.

2.3. Nhu cầu về địa điểm tham gia tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế

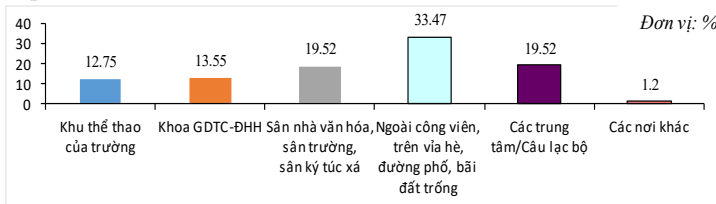
Một vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến mức độ thường xuyên tập luyện TDTTNK của SV là địa điểm tập luyện có thuận tiện cho việc di chuyển hay không. Kết quả ở bảng 2.5 cho thấy nhu cầu về địa điểm tập luyện của SV Đại học Huế như sau:

Bảng 2.5: Nhu cầu của SV Đại học Huế về địa điểm tập luyện TDTTNK (n=882)

TT	Địa điểm	Số SV lựa chọn	%	Xếp hạng
1	Khu TT của Trường/Khoa	286	32.43	1
2	Khoa GDTC	162	18.37	3
3	Công viên, trên vỉa hè, đường phố, bãi đất trống	102	11.56	4
4	Các trung tâm/ Câu lạc bộ gần nơi ở	273	30.95	2
5	Sân nhà văn hóa, sân trường, sân ký túc xá	54	6.12	5
6	Các nơi khác	5	0.56	6

Như vậy địa điểm tập luyện TDTTNK mà SV muốn tham gia nhiều nhất là “khu TT của trường/khoa”, xếp thứ 2 là “các trung tâm/câu lạc bộ gần nơi ở”. Địa điểm SV muốn tham gia tập nhiều thứ 3 là tại “khoa GDTC”. Còn các địa điểm như “công viên, trên vỉa hè, đường phố, bãi đất trống”, “sân nhà văn hóa nơi cư trú, sân trường, sân kí túc xá” hoặc “các nơi khác” tỉ lệ SV lựa chọn rất thấp.

Bên cạnh khảo sát nhu cầu, chúng tôi cũng tiến hành điều tra về các địa điểm mà SV Đại học Huế thường tham gia tập luyện TDTTNK trong thực tế. Kết quả thể hiện ở biểu đồ 2.1.



Biểu đồ 2.1: Địa điểm tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế trong thực tế

Kết quả so sánh cho thấy có sự khác biệt lớn giữa nhu cầu và thực trạng về địa điểm tham gia tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế. “khu TT của trường/khoa” là địa điểm SV có nhu cầu được tham gia tập luyện lớn nhất (chiếm 32.43%) nhưng trong thực tế có 12.75% SV được phỏng vấn cho biết đang tham gia tập luyện tại địa điểm này (xếp thứ 4 theo kết quả ở biểu đồ 2.1).

Kết quả này toàn phù hợp với tình hình thực tế vì ở các đơn vị thuộc Đại học Huế hiện nay, quỹ đất dành cho hoạt động TDTT bị cắt giảm nhiều để xây dựng các công trình khác. Những đơn vị có cơ sở vật chất phục vụ hoạt động TDTT thì đa phần đều được cho thuê, SV muốn vào tập phải trả phí. Vì vậy, đa phần SV tập TDTTNK ở công viên, bãi đất trống, hoặc tận dụng sân nhà văn hóa, sân trường, sân kí túc xá để tập, hoặc di chuyển đến khoa GDTC để tiết kiệm chi phí. Chỉ một bộ phận SV có điều kiện kinh tế là tham gia tập ở các trung tâm hoặc các câu lạc bộ.

Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động TDTT của các đơn vị trong Đại học Huế chưa đáp ứng được nhu cầu về địa điểm tập luyện của SV là một trong những nguyên nhân chính khiến thời gian tham gia tập luyện TDTTNK của SV ít hoặc không tham gia tập luyện, điều này ảnh hưởng khá nhiều đến chất lượng tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế.

3. Kết luận

Từ kết quả khảo sát về nhu cầu và thực trạng tham gia tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế,

đề tài có một số kết luận sau:

1. Có 05 môn TT SV Đại học Huế có nhu cầu được tham gia tập luyện nhiều nhất là Cầu lông, Bóng đá, Bóng chuyền, Gym/Fitness và Bóng rổ.

2. Hình thức tập luyện TDTTNK SV có nhu cầu tham gia nhiều nhất là hình thức “Tập luyện có người hướng dẫn”, xếp thứ 2 là hình thức “Kết hợp giữa hình thức tập luyện có người hướng dẫn và tự tập luyện”, còn hình thức “Tự tập luyện” chỉ có một bộ phận nhỏ SV lựa chọn.

3. Về địa điểm tập luyện TDTTNK, địa điểm SV muốn được tham gia tập luyện nhiều nhất là “Khu TT của Trường/Khoa”, xếp thứ 2 là “Các trung tâm/Câu lạc bộ gần nơi ở”. Địa điểm SV muốn tham gia tập nhiều thứ 3 là tại “Khoa GDTC”. Còn các địa điểm như “Công viên, trên vỉa hè, đường phố, bãi đất trống”, “Sân nhà văn hóa nơi cư trú, sân trường, sân kí túc xá” hoặc “Các nơi khác” tỉ lệ SV lựa chọn rất thấp.

4. Kết quả so sánh cho thấy giữa nhu cầu và thực tế tham gia tập luyện TDTTNK của SV Đại học Huế có sự khác biệt lớn. Những vấn đề SV có nhu cầu cao về nội dung, hình thức, địa điểm tập luyện TDTTNK, trong điều kiện thực tế hiện nay tại Đại học Huế vẫn chưa đáp ứng được vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Điều này khiến số lượng SV thường xuyên tham gia tập luyện TDTTNK còn rất thấp, chất lượng tập luyện TDTTNK còn nhiều hạn chế, thậm chí có một bộ phận SV không tham gia tập luyện TDTTNK.

Tài liệu tham khảo

- Lê Quý Phương. (2015). *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý thể dục TT*. NXB ĐH QG Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Đức Thanh. (2016). *Nghiên cứu biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại khóa các môn TT cho SV Khoa GDTC-Đại học Huế*. Đề tài NCKH cấp Khoa.
- Trương Hoài Trung, Nguyễn Hồ Phong. (2018). *Thực trạng tham gia các hoạt động thể dục TT ngoại khóa của SV trường Đại học Nha Trang*. Kỷ yếu Hội thảo Đại học Huế năm 2018.
- Nguyễn Đức Văn. (2001). *Phương pháp thông kê trong thể dục TT*. Hà Nội: NXB thể dục TT.
- Nguyễn Thị Thảo Vy. (2010). *Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý TT giải trí ở Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn Thạc sĩ GDTC, Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh.